

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

THUYẾT MINH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

(ĐÃ SỬA THEO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH SỐ 3671/SXD-QLXD NGÀY 03 THÁNG 10 NĂM 2025
CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH)

TÊN DỰ ÁN: XÂY DỰNG, CẢI TẠO VÀ NÂNG CẤP
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN LAN, THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH

CHỦ ĐẦU TƯ : BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NAM ĐỊNH

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: PHƯỜNG THIÊN TRƯỜNG, TỈNH NINH BÌNH

NINH BÌNH, NĂM 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN XUÂN UST

Đ/C: SỐ 198 - Đ. VŨ TRỌNG PHỤNG - P. NAM ĐỊNH - TỈNH NINH BÌNH

TEL: 0988.162556 - 0919.500884

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

THUYẾT MINH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

(ĐÃ SỬA THEO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH SỐ 3671/SXD-QLXD NGÀY 03 THÁNG 10 NĂM 2025
CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH)

TÊN DỰ ÁN: XÂY DỰNG, CẢI TẠO VÀ NÂNG CẤP
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN LAN, THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH

CHỦ ĐẦU TƯ : BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NAM ĐỊNH

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: PHƯỜNG THIÊN TRƯỜNG, TỈNH NINH BÌNH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN XUÂN UST

GIÁM ĐỐC
QUẢN LÝ DỰ ÁN

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG NAM ĐỊNH



GIÁM ĐỐC
TRẦN QUANG YÊN

Đỗ Mạnh Cường



PHÓ GIÁM ĐỐC
TRẦN NGỌC TUẤN

THUYẾT MINH
BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI
DỰ ÁN: XÂY DỰNG, CẢI TẠO VÀ NÂNG CẤP TRƯỜNG THPT
TRẦN VĂN LAN, THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH

CHƯƠNG I:
GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: Xây dựng, cải tạo và nâng cấp trường THPT Trần Văn Lan, thành phố Nam Định.

2. Nhóm dự án: Nhóm C.

3. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

4. Cấp quyết định chủ trương đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định. (nay là UBND tỉnh Ninh Bình).

5. Cấp quyết định đầu tư dự án: Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình.

6. Hình thức đầu tư: Xây dựng mới, cải tạo.

7. Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng Nam Định.

8. Đơn vị sử dụng: Trường THPT Trần Văn Lan.

9. Địa điểm thực hiện dự án: Khuôn viên Trường THPT Trần Văn Lan, xã Mỹ Trung, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. (Nay là phường Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình).

10. Quy mô đầu tư: Theo quy mô đầu tư xây dựng được phê duyệt tại quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của UBND tỉnh Nam Định. Cụ thể như sau:

- Xây dựng mới nhà học 4 tầng 20 phòng, cải tạo nhà học 2 tầng 12 phòng và các hạng mục phụ trợ. Phá dỡ một số hạng mục công trình hiện trạng.

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

12. Dự kiến tổng mức đầu tư khoảng: Khoảng 58,0 tỷ đồng.

12. Hình thức QLDA: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

13. Đơn vị lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Công ty cổ phần Vạn Xuân UST.

14. Thời gian thực hiện: Năm 2025-2028.

- Dự kiến tiến độ thực hiện dự án:

+ Giai đoạn chuẩn bị dự án: Năm 2025-2026.

+ Giai đoạn thực hiện dự án: Khởi công năm 2026; Hoàn thành năm 2027.

+ Quyết toán dự án: Năm 2028.

CHƯƠNG II:

CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của luật xây dựng;

Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội;

Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/04/2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH14 ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/1/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ;

Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Bộ Tài Chính quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021;

Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo;

Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh Nam Định về việc công bố bộ đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Quyết định số 182/QĐ-SXD ngày 27/12/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Nam Định quyết định công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Quyết định số 188/QĐ-SXD ngày 30/12/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Nam Định quyết định công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Thông báo số 93/TB-UBND ngày 27/3/2025 của UBND tỉnh Nam Định về việc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng, cải tạo và nâng cấp Trường THPT Trần Văn Lan, thành phố Nam Định.

Căn cứ Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng, cải tạo và nâng cấp Trường THPT Trần Văn Lan, thành phố Nam Định;

Căn cứ đơn giá vật tư theo thông báo giá tháng mới nhất của Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng hiện hành;

CHƯƠNG III:

CÁC QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG THIẾT KẾ

1. Quy chuẩn áp dụng:

- QCVN 01:2021/BXD- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- QCVN 06:2022/BXD và Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình;

- QCVN 07:2023/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

- QCVN 12:2014/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống điện của nhà ở và nhà công cộng;

- QCVN 10:2024/BXD về xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng;

- QCVN 05:2008/BXD Nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe.

2. Tiêu chuẩn xây dựng:

- TCVN 4319: 2012 Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;

- TCVN 4601: 2012 Công sở cơ quan hành chính nhà nước - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 9255:2012: Tiêu chuẩn tính năng trong tòa nhà - Định nghĩa, phương pháp tính các chỉ số diện tích và không gian;

- TCVN 9258: 2012 Chống nóng cho công trình - Chỉ dẫn thiết kế;

- TCVN 5573: 2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 7958:2017: Bảo vệ công trình xây dựng - Phòng chống mối cho công trình xây dựng mới;

- TCVN 2737:2023 Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5574:2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCXD 5575:2024 Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9362:2012 Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;

- TCVN 9386:2012 Thiết kế công trình chịu động đất;

- TCVN 9207: 2012 Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9206: 2012 Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9385:2012 Bảo vệ chống sét cho các công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống;

- TCVN 16:1996 Chiều sáng nhân tạo trong công trình dân dụng;

- TCVN 7447-4-43:2010 Bảo vệ an toàn - Bảo vệ chống quá dòng;

- TCVN 7447-5-51:2010 Lựa chọn lắp đặt thiết bị điện - Quy tắc chung;

- TCVN-5-52:2010 Lựa chọn và lắp đặt thiết bị điện - Hệ thống đi dây;

- 11 TCN-18-2006 Quy phạm thiết bị điện - Phần I - Quy định chung;

- 11 TCN -19-2006 Quy phạm trang bị điện - Phần II- Hệ thống đường dẫn điện;

- 11 TCN-20-2006 Quy phạm trang bị điện - Phần III- Trang bị phân phối và trạm biến áp;
- 11 TCN-21-2006 Quy phạm trang bị điện - Phần IV - Bảo vệ và tự động.
- TCVN 4474: 1987: Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4513: 1988: Cấp nước bên trong. Tiêu chuẩn thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 2622-1995: Phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7435-1:2004 - ISO 11602-1: 2000 Phòng cháy chữa cháy - Bình chữa cháy xách tay và xe đẩy phần 1: Lựa chọn và bố trí;
- TCVN 4447: 2012 Công tác đất - Thi công và nghiệm thu;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác liên quan.

CHƯƠNG IV:

HIỆN TRẠNG, SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐẦU TƯ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỚI QUY HOẠCH

I. HIỆN TRẠNG:

1. Cơ cấu nhân sự, số lượng học sinh hiện trạng.

Trường THPT Trần Văn Lan được thành lập năm 1999 theo Quyết định số 858/QĐ-UBND ngày 09/7/1999 của UBND tỉnh Nam Định.

Số học sinh hiện tại của nhà trường là 932/22 lớp, tương đương 42hs/ lớp (đạt yêu cầu theo TCVN quy định tối đa 45hs/lớp). Trong những năm gần đây số lượng học sinh có nhu cầu theo học THPT luôn ở mức cao. Dự kiến nhu cầu học sinh trong những năm tới khoảng 1200 học sinh với lộ trình phát triển như sau.

Năm học	Số lớp	Số học sinh
2025-2026	25	1.000
2026-2027	26	1.040
2027-2028	27	1.080
2028-2029	28	1.120
2029-2030	29	1.160
2030-2031	30	1.200

Tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên toàn trường hiện tại là 60 người, dự kiến trong giai đoạn tới khi số lớp học tăng lên số lượng cán bộ giáo viên khoảng 70 người – 75 người.

2. Cơ cấu chức năng phục vụ học tập và sinh hoạt hiện trạng:

- *Về phòng học:* Hiện tại số lượng phòng học của nhà trường là 22 phòng học.

+ Nhà số 3 trên TMB, hiện trạng là nhà 2 tầng bao gồm 12 phòng học.

+ Nhà số 4 trên TMB, hiện trạng là nhà 2 tầng bao gồm 10 phòng học.

- Về phòng học bộ môn:

+ Nhà số 2 trên TMB, hiện trạng là nhà 2 tầng bố trí 05 phòng học bộ môn gồm 01 phòng bộ môn Hoá, 01 phòng bộ môn vật lý, 02 phòng tin học, 01 phòng bộ môn sinh học.

- Về khối phòng hỗ trợ học tập:

+ 01 phòng thư viện, 01 phòng thiết bị giáo dục được bố trí tại nhà học bộ môn.

+ 01 phòng đoàn thanh niên, 01 phòng truyền thống bố trí tại nhà hiệu bộ.

- Về khối phụ trợ:

+ 01 phòng họp, 01 phòng y tế trường học bố trí tại nhà hiệu bộ.

+ 03 phòng các tổ chuyên môn bố trí tại nhà học bộ môn.

+ 04 khu để xe học sinh.

+ 01 Khu vệ sinh học sinh.

+ 02 phòng nghỉ giáo viên bố trí tại nhà lớp học 2 tầng 12 phòng.

+ 01 phòng giáo viên bố trí tại nhà học bộ môn.

- Về khối hành chính quản trị (nhà số 3, hiện trạng - khối nhà hiệu bộ 2 tầng):

+ 01 phòng hiệu trưởng, 01 phòng tiếp khách, 02 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng văn phòng, 01 phòng kế toán, 01 phòng họp hội đồng bố trí tại nhà hiệu bộ.

- Về khu sân chơi thể dục, thể thao.

+ Sân trường hiện tại bằng bê tông có diện tích 6.760,5m².

+ Sân thể dục, thể thao có diện tích 1.399,3m².

+ Nhà đa năng có diện tích 1.028,0m².

3. Hiện trạng xây dựng công trình:

a. Hiện trạng nhà học 2 tầng + 1 tum 10 phòng học (nhà số 4):

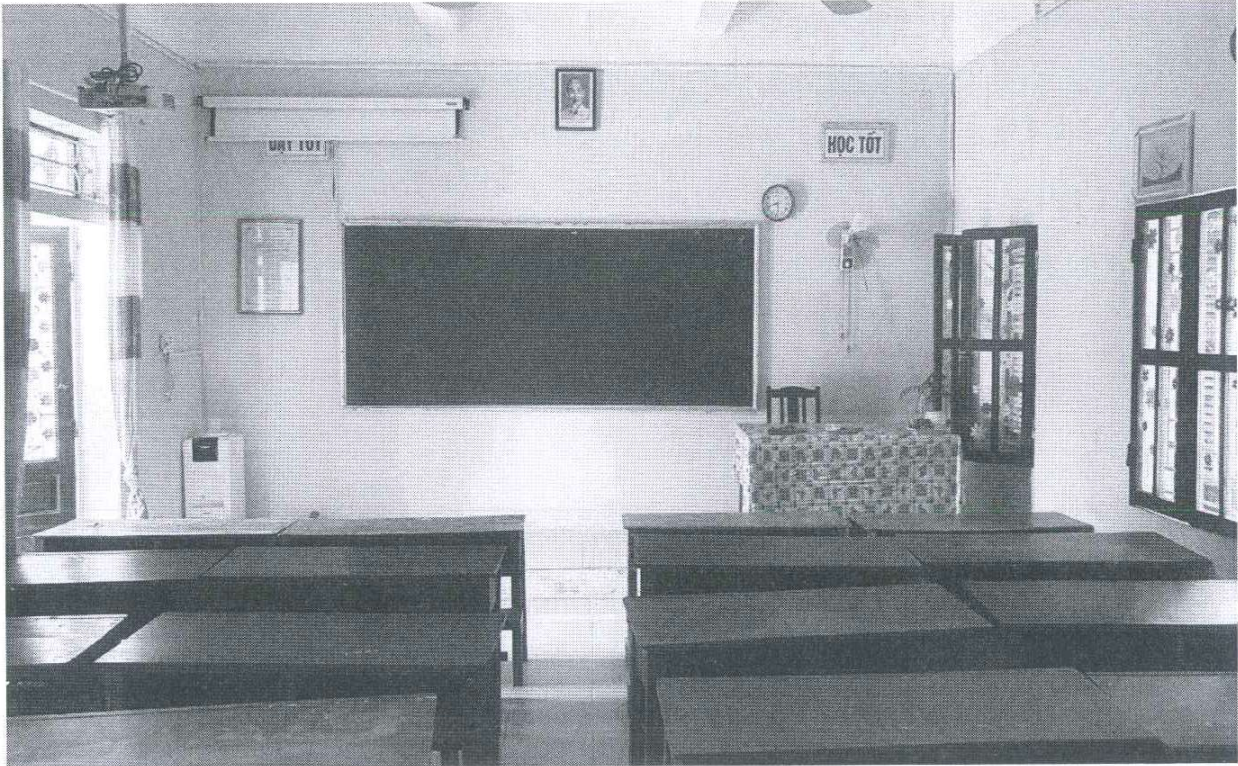
- Mặt bằng nhà hình chữ nhật kích thước 42,85m x 7,5m quy mô xây dựng 2 tầng + 1 tum được xây dựng từ trước năm 1999; diện tích xây dựng 419,3m²; diện tích sàn 815,6m² gồm:

+ 10 phòng học kích thước 7,8x5,7m; diện tích 44,46m²/phòng học.

+ 01 cầu thang kích thước 3,6x6,8m; hành lang trước rộng 1,8m.

+ Hiện nhà cao độ cao hơn nền sân là 45cm, nhà được xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng trước năm 1999 đến nay công trình đã sử dụng được hơn 25 năm, một số vị trí mái đã thấm dột, tường nhiều vị trí bị bong vữa, sàn nhà nhiều vị trí sụt lún, hệ thống hành lang không đảm bảo an toàn; Diện tích phòng học không đảm bảo theo tiêu chuẩn (chiều rộng thực tế 5,7m so với chiều rộng tối thiểu 7,2m, diện

tích 1,5m²/HS tối thiểu 45m²/phòng) hành lang hiện trạng rộng 1,8m không đáp ứng yêu cầu theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020. Cầu thang bộ của nhà chưa đáp ứng được yêu cầu về thoát nạn theo tiêu chuẩn PCCC.



Trong phòng nhà lớp học 2 tầng 10 phòng



Ngoài hành lang dãy nhà học 2 tầng 10 phòng

b. Hiện trạng nhà học 2 tầng 12 phòng học (nhà số 3):

- Mặt bằng nhà hình chữ nhật kích thước 68,4m x 8,1m quy mô xây dựng 2 tầng được xây dựng từ trước năm 1999; diện tích xây dựng 684.6m²; Tổng diện tích sàn 1416,0m² gồm:

+ 12 phòng học kích thước 8,4x6,3m; diện tích 52,92m²/phòng học.

+02 phòng nghỉ giáo viên diện tích 26,5 m².

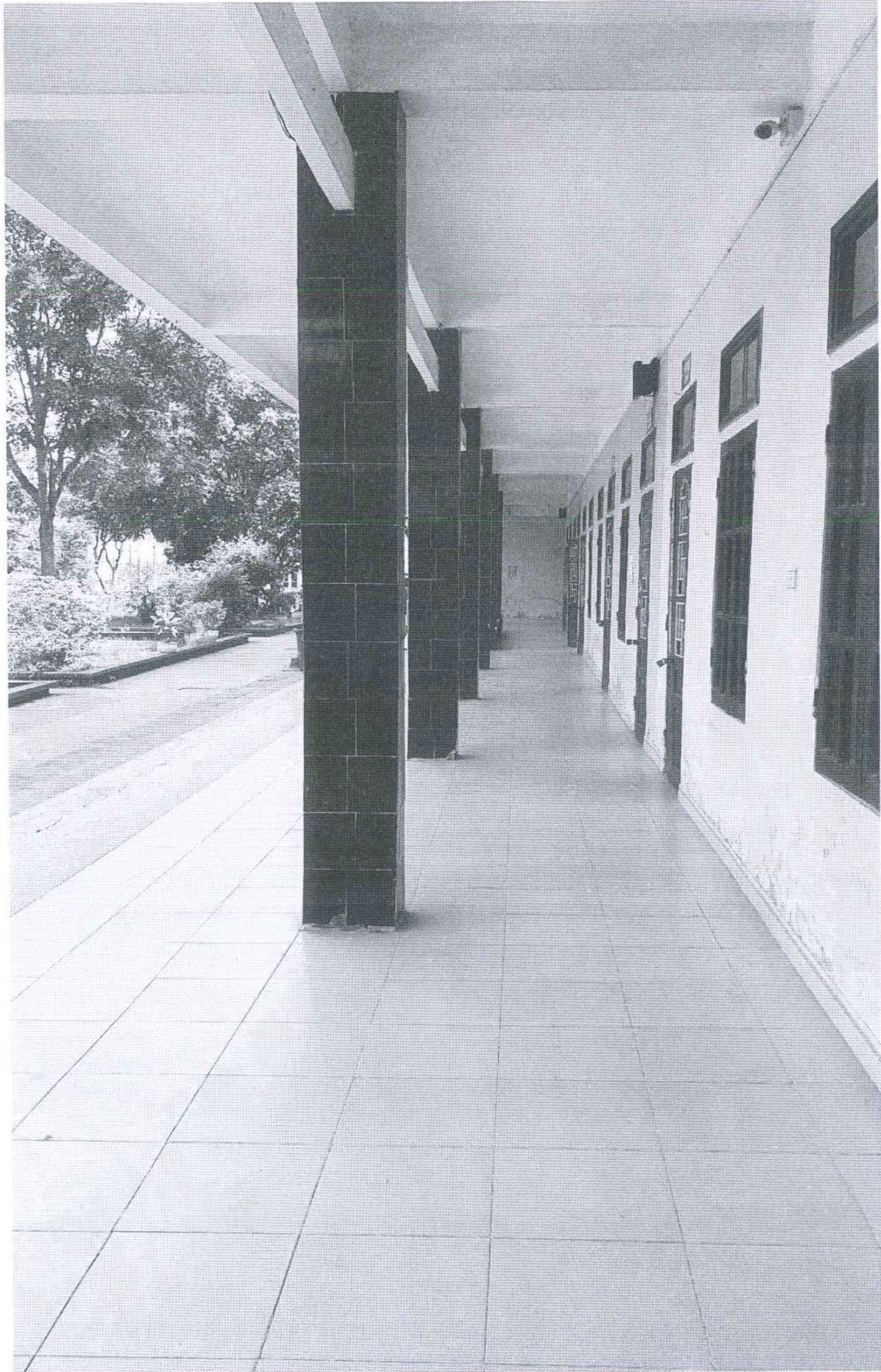
+ Mỗi tầng 01 khu vệ sinh kích thước 5,5x6,3m

+ 02 cầu thang kích thước 3,9x6,3m; hành lang trước rộng 1,8m.

+ Hiện nhà cao độ cao hơn nền sân là 45cm, nhà được xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng trước năm 2002 đến nay công trình đã sử dụng được hơn 22 năm, một số vị trí mái đã thấm dột, tường nhiều vị trí bị bong vữa, nền nhà nhiều vị trí sụt lún, nhiều vị trí gạch lát nền bị nứt, vỡ. Hệ thống hành lang không đảm bảo an toàn, hệ thống cửa bị cong, vênh vỡ kính, sen hoa han rỉ; Diện tích phòng học chưa đảm bảo theo tiêu chuẩn. Toàn nhà chưa có hệ thống PCCC đảm bảo theo tiêu chuẩn.



Trong phòng nhà lớp học 2 tầng 12 phòng



Nhiều vị trí lớp vữa trát tường bị bong tróc



Hệ thống lan can thấp không đảm bảo an toàn



Nhiều vị trí mái bị ngấm, dột



Nhiều vị trí nền bị lún, gạch lát nứt vỡ

c. Hiện trạng nhà học bộ môn 2 tầng 12 phòng học (nhà số 2):

- Mặt bằng nhà hình chữ nhật kích thước 50,65m x 8,4m và khối cầu thang kích thước 8,4m x 4,2m quy mô xây dựng 2 tầng được xây dựng từ những năm 1999 và được UBND tỉnh đầu tư cải tạo, sửa chữa năm 2018; diện tích xây dựng 503.9m²; Tổng diện tích sàn 1.007,8m² gồm:

- + 01 phòng bộ môn Hoá kích thước 8,4x6,3m; diện tích 52,92m².
- + 01 phòng bộ môn Lý kích thước 8,4x6,3m; diện tích 52,92m².
- + 02 phòng kho cho bộ môn hóa, lý kích thước 4,2x3,15m; diện tích 13,23m²/phòng.
- + 01 phòng bộ môn Sinh kích thước 8,4x6,3m; diện tích 52,92m².
- + 01 phòng kho cho bộ môn sinh ở gầm cầu thang kích thước 4,2x1,8m; diện tích 7,56m²/phòng.
- + 02 phòng bộ môn Tin kích thước 8,4x6,3m; diện tích 52,92m²/phòng.
- + 01 phòng thư viện kích thước 8,4x6,3m; diện tích 52,92m².
- + 01 phòng phòng thiết bị giáo dục kích thước 8,4x6,3m; diện tích 52,92m².
- + 03 phòng các tổ chuyên môn kích thước 8,4x6,3m; diện tích 52,92m²/phòng.
- + 01 phòng giáo viên kích thước 4,2x6,3m; diện tích 26,46m²/phòng.
- + 02 cầu thang kích thước 4,2x8,4m; 4,2x6,3 hành lang trước rộng 2,1m.

Do mới được đầu tư cải tạo, sửa chữa năm 2018 nên hạng mục công trình còn sử dụng tốt. Tuy nhiên các phòng học và các phòng học bộ môn chưa đảm bảo tiêu chuẩn về diện tích.

d. Hiện trạng nhà hiệu bộ 2 tầng (nhà số 1):

- Mặt bằng nhà hình chữ nhật kích thước 30,6m x 8,4m quy mô xây dựng 2 tầng được xây dựng từ những năm 1999 và được UBND tỉnh đầu tư cải tạo, sửa chữa năm 2018; diện tích xây dựng 273.0m²; Tổng diện tích sàn 546 m² gồm:

- + 01 phòng hiệu trưởng kích thước 8,4x3,6m; diện tích 30,26m².
- + 02 phòng phó hiệu trưởng trong đó 01 phòng kích thước 3,6x6,6m; diện tích 23,76m² và 01 phòng kích thước 8,4x3,6m; diện tích 30,26m².
- + 01 phòng đoàn thanh niên kích thước 3,6x6,6m; diện tích 23,76m².
- + 01 phòng Y tế kích thước 3,6x6,6m; diện tích 23,76m².
- + 01 phòng truyền thống kích thước 7,2x6,6m; diện tích 47,52m².
- + 01 phòng Văn phòng kích thước 3,6x6,0m; diện tích 21, 6m².
- + 01 Phòng khách kích thước 7,2x6,6m; diện tích 47,52m².
- + 01 Phòng họp hội đồng kích thước 10,8x6,6m; diện tích 71,28m².

+ 01 phòng tài chính kích thước 3,6x6,0m; diện tích 47,52m².

+ 02 khu vệ sinh chung kích thước 3,6x3,6m; diện tích 12,96m²/phòng.

+ 01 cầu thang kích thước 3,6x6,6m; hành lang trước và hành lang sau rộng 1,8m

Do mới được đầu tư cải tạo, sửa chữa năm 2018 nên hạng mục công trình còn sử dụng tốt.



Mặt đứng tổng thể nhà học bộ môn



Mặt đứng tổng thể nhà học hiệu bộ

e. Hiện trạng nhà đa năng (nhà số 5):

- Mặt bằng nhà hình chữ nhật kích thước 42,0m x 24,0m; Được xây dựng 2016, diện tích xây dựng 1028m²; diện tích sàn 1028,0m² gồm:

- + 02 phòng chuẩn bị.
- + 01 sân khấu.
- + 01 khu vực tập thể thao.
- + 01 phòng tập.

Công trình mới được đầu tư xây dựng và đưa vào khai thác sử dụng khoảng 7 năm nhưng hiện tại một số vị trí đã bắt đầu xuất hiện dấu hiệu bị ngấm, dột.

f. Hiện trạng nhà công vụ (nhà số 6):

- Mặt bằng nhà hình chữ nhật kích thước 25,2m x 10,8m quy mô xây dựng 1 tầng được xây dựng 2016; diện tích xây dựng 272,0m²; diện tích sàn 272,0m² gồm:

+ 02 phòng ở kích thước 10,8x3,6m; diện tích 39m²/phòng. (gồm khu vệ sinh, bếp, sân phơi, phòng ở).

+ 05 phòng ở kích thước 9,3x3,6m; diện tích 33,48m²/phòng. (gồm khu vệ sinh, bếp, sân phơi, phòng ở).

Công trình mới được đầu tư xây dựng và đưa vào khai thác sử dụng khoảng 7 năm hiện tại đang sử dụng tốt, phát huy được hiệu quả cao.



Hiện trạng nhà đa năng



Hiện trạng nhà công vụ

g. Hiện trạng nhà vệ sinh:

- Nhà vệ sinh cho học sinh ngoài trời không có nhà cầu kết nối với khối nhà học, vô cùng bất tiện sử dụng khi trời mưa và trời nắng gắt, kết cấu xây tường chịu lực, mái bằng bê tông cốt thép.

h. Hiện trạng nhà xe:

- Nhà xe hiện trạng gồm nhiều dãy nhà: Kết cấu cột thép, vì kèo xà gỗ thép, mái lợp tôn. Hiện trạng cột thấp, vì kèo, mái tôn bị rỉ, nhiều vị trí bị dột, các dãy nhà xe làm theo kiểu tạm bợ, quy mô chưa đồng bộ.

i. Tường bao: Hệ thống tường bao của nhà trường đã được xây dựng từ lâu đến nay đã xuống cấp nghiêm trọng, nhiều vị trí nứt, nghiêng không đảm bảo an toàn.

h. Sân trường:

- Hiện trạng đã được đổ bê tông. Tuy nhiên cao độ nền sân thấp hơn đường trục xã phía trước khoảng 30cm, nên thường xuyên ngập úng khi trời mưa to mặt khác sân bê tông đã xuống cấp nhiều chỗ đã bong tróc, nứt vỡ.

k. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại vị trí công trình xây dựng:

- Hiện trạng hệ thống cấp nước: Sử dụng nước sạch từ nguồn cấp nước nhà máy nước Mỹ Lộc.

- Hệ thống PCCC: Hệ thống PCCC trong và ngoài nhà chưa có (chỉ trang bị bình bọt chữa cháy và bảng tiêu lệnh).

- Hiện trạng thoát nước mưa, nước thải và vệ sinh môi trường: Hiện trạng hệ thống thoát nước trong khu vực là rãnh thoát nước B25-B30 thoát ra kênh tưới tiêu của xã (phía Tây Bắc khu đất).

- Hiện trạng hệ thống cấp điện: Hệ thống cấp điện lấy từ dây trung thế do đội QLĐL điện lực khu vực Nam Định quản lý.

- Hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà: Các bóng đèn cao áp lắp đặt trên mái các nhà kết hợp một số cột đèn chiếu sáng sân.

BẢNG THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SO VỚI TIÊU CHUẨN HIỆN HÀNH

Stt	Hạng mục	TCVN 8794:2011; Thông tư 13/2020/ TT- BGDDT (Mức độ 1)	Số lượng hiện trạng		Nhu cầu còn thiếu	Đề xuất	Đánh giá	Ghi chú
			Số lượng	Diện tích (m ²)				
I	Khối phòng học tập							
1	Phòng học	15 ≥ Lớp ≤ 45 (1,50m ² /học sinh, Tổng diện tích không nhỏ hơn 45m ² /phòng)	22		08		Thiếu phòng học	Nhu cầu phát triển lên 30 lớp
1.1	Nhà lớp học 10 phòng học		10	44,46		20	Chưa đáp ứng diện tích tối thiểu	Đề xuất phá dỡ
1.2	Nhà lớp học 12 phòng học		12	52,92				Đề xuất cải tạo
2	Phòng học bộ môn hóa học	01 phòng (2,0m ² /học sinh, Tổng diện tích ≥ 60m ² /phòng)	01	52,92 m ²	0	0	Chưa đáp ứng diện tích	Tại nhà học bộ môn 2 tầng
3	Phòng học bộ môn vật lý	01 phòng (2,0m ² /học sinh, Tổng diện tích ≥ 60m ² /phòng)	01	52,92 m ²	0	0	Chưa đáp ứng diện tích	Tại nhà học bộ môn 2 tầng
4	Phòng học bộ môn sinh học	01 phòng (2,0m ² /học sinh, Tổng diện tích ≥ 60m ² /phòng)	01	52,92 m ²	0	0	Chưa đáp ứng diện tích	Tại nhà học bộ môn 2 tầng
5	Phòng học bộ môn tin học	01 phòng (2,0m ² /học sinh, Tổng diện tích ≥ 60m ² /phòng)	02	52,92 m ²	0	0	Chưa đáp ứng diện tích	Tại nhà học bộ môn 2 tầng
6	Phòng học bộ môn	01 phòng (1,5m ² /học sinh,	0	0	01		Không đáp ứng	

Stt	Hạng mục	TCVN 8794:2011; Thông tư 13/2020/ TT- BGDDT (Mức độ 1)	Số lượng hiện trạng		Nhu cầu còn thiếu	Đề xuất	Đánh giá	Ghi chú
			Số lượng	Diện tích (m ²)				
	khoa học xã hội	Tổng diện tích ≥ 60m ² /phòng)						Chưa có
7	Phòng học đa chức năng	01 phòng (2,0m ² /học sinh, Tổng diện tích ≥ 60m ² /phòng)	0	0	01		Không đáp ứng	Chưa có
8	Phòng học bộ môn Âm nhạc	01 phòng (2,45m ² /học sinh, Tổng diện tích ≥ 60m ² /phòng)	0	0	01		Không đáp ứng	Chưa có
9	Phòng học bộ môn mỹ thuật	01 phòng (2,45m ² /học sinh, Tổng diện tích ≥ 60m ² /phòng)	0	0	01		Không đáp ứng	Chưa có
10	Phòng học bộ môn công nghệ	01 phòng (2,45m ² /học sinh, Tổng diện tích ≥ 60m ² /phòng)	0	0	01		Không đáp ứng	Chưa có
11	Phòng học bộ môn ngoại ngữ	01 phòng (2,0m ² /học sinh, Tổng diện tích ≥ 60m ² /phòng)	0	0	01		Không đáp ứng	Chưa có
II	Khối phòng hỗ trợ học tập							
1	Thư viện + quản lý sách	01 phòng (0,60m ² /học sinh; phòng đọc 2,40m ² /chỗ, Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /thư viện. Quy mô được tính từ 30% đến 50% tổng số học sinh toàn	01	52,92 m ²	0		Chưa đáp ứng diện tích	Tại nhà học bộ môn 2 tầng

Stt	Hạng mục	TCVN 8794:2011; Thông tư 13/2020/ TT- BGDDT (Mức độ 1)	Số lượng hiện trạng		Nhu cầu còn thiếu	Đề xuất	Đánh giá	Ghi chú
			Số lượng	Diện tích (m ²)				
		trường)						
2	Phòng thiết bị giáo dục	01 phòng (Diện tích ≥ 48m ² /phòng)	01	52,92 m ²	0	0	Đáp ứng	Tại nhà học bộ môn 2 tầng
4	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ HS khuyết tật hoà nhập	01 phòng (Diện tích ≥ 24m ² /phòng)	0	0	01		Không đáp ứng	Chưa có
5	Phòng Đoàn thanh niên	01 phòng (0,03m ² /học sinh = 36,0m2)	01	23,76 m ²	0	0	Chưa đáp ứng diện tích	Tại Nhà hiệu bộ
6	Phòng truyền thống	01 phòng (Diện tích ≥ 48m ² /phòng)	01	47,52 m ²	0	0	Chưa đáp ứng diện tích	Tại Nhà hiệu bộ
IV	Khối phụ trợ							
1	Phòng họp	01 phòng (1,20m ² /người=84m2)	01	71,28 m ²	0	0	Chưa đáp ứng diện tích	Tại Nhà hiệu bộ
2	Tổ chuyên môn	08 phòng (Diện tích ≥ 30m ² /phòng)	03	52,92 m ²	05		Chưa đáp ứng số lượng phòng	Tại Nhà học bộ môn 2 tầng
3	Phòng y tế học đường	01 phòng (Diện tích ≥ 24m ² /phòng)	01	23,76 m ²	0	0	Chưa đáp ứng diện tích	Tại Nhà hiệu bộ
4	Nhà kho	01 phòng (Diện tích ≥ 48m ² /phòng)	0	0	01		Không đáp ứng	Chưa có

Stt	Hạng mục	TCVN 8794:2011; Thông tư 13/2020/TT- BGDDT (Mức độ 1)	Số lượng hiện trạng		Nhu cầu còn thiếu	Đề xuất	Đánh giá	Ghi chú
			Số lượng	Diện tích (m ²)				
5	Khu để xe học sinh	Số lượng xe được tính từ 50% đến 70% tổng số học sinh toàn trường (0,90m ² /xe đạp; 2,50m ² /xe máy điện)	4 khu	613,8m ²	968m ²	1.582m ²	Còn thiếu diện tích, nhà xe cũ xuống cấp cần xây dựng mới đồng bộ	(tính 70% học sinh đi xe máy và 30% học sinh đi xe đạp điện)
6	Khu để xe giáo viên	Số lượng xe được tính từ 50% đến 70% tổng số giáo viên toàn trường (2,50m ² /xe máy)	1 khu	105,5m ²	22,5	128 m ²	nhà xe cũ xuống cấp cần xây dựng mới	Diện tích tính cho 73 giáo viên là khoảng 128,0m ²
6	Khu vệ sinh học sinh	0,06m ² /học sinh	02	87.7	0	0	Đáp ứng	Khu vệ sinh chung và khu vệ sinh trong nhà học 12 phòng
7	Phòng nghỉ giáo viên	01 phòng (Diện tích ≥ 12m ² /phòng)	02	26,46 m ²	0	0	Đáp ứng	Tại Nhà học 12 phòng
8	Phòng giáo viên	4m ² /giáo viên	01	26,46 m ²	0	0	Đáp ứng	Tại Nhà học bộ môn
IV	Khu sân chơi, thể dục thể thao							
1	Sân trường	1,50m ² /học sinh	1,50m ² /học sinh	6.878,8 m ²	0	0	Đáp ứng	Đề xuất cải tạo do cốt sân thấp

Stt	Hạng mục	TCVN 8794:2011; Thông tư 13/2020/ TT- BGDDT (Mức độ 1)	Số lượng hiện trạng		Nhu cầu còn thiếu	Đề xuất	Đánh giá	Ghi chú
			Số lượng	Diện tích (m ²)				
2	Sân thể dục thể thao	0,35m ² /học sinh, Tổng diện tích sân không nhỏ hơn 350m ²	01	1.396,8 m ²	0	0	Đáp ứng	Đáp ứng
3	Nhà đa năng	450m ² /nhà	01	1.028,0m ²	0	0	Đáp ứng	Đáp ứng
V Khối hành chính, quản trị								
1	Phòng hiệu trưởng	01 phòng (diện tích 12 ÷ 15m ²)	01	30,26 m ²	0	0	Đáp ứng	Tại Nhà hiệu bộ
2	Phòng khách	01 phòng (diện tích ≥ 18m ²)	01	47,52 m ²	0	0	Đáp ứng	Tại Nhà hiệu bộ
3	Phòng phó hiệu trưởng	01 phòng (diện tích 10 ÷ 12m ²)	02	01 phòng 30,26 m ² 01 phòng 23,76 m ²	0	0	Đáp ứng	Tại Nhà hiệu bộ
4	Văn phòng	≥ 6m ² / người	01	21,6 m ²	0	0	Đáp ứng	Tại Nhà hiệu bộ

Nhận xét: Số lớp học hiện tại thiếu 08 lớp so với nhu cầu phát triển của nhà trường, mặt khác Hiện trạng phòng học thuộc dãy nhà lớp học 2 tầng 10 phòng học không đáp ứng yêu cầu về diện tích tối thiểu. Các phòng học thuộc dãy nhà học 2 tầng 12 phòng đã xuống cấp. Để đáp ứng yêu cầu về số lượng lớp học, diện tích phòng học cần phá dỡ nhà học 2 tầng 10 phòng, xây dựng mới nhà lớp học 4 tầng 20 phòng, cải tạo nhà lớp học 2 tầng 12 phòng.

Xây dựng mới các hạng mục phụ trợ khác để đảm bảo cơ sở vật chất theo tiêu chuẩn quy định hiện hành.

II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐẦU TƯ

Trường THPT Trần Văn Lan được thành lập theo Quyết định số 858/1999/QĐ-UB ngày 09 tháng 07 năm 1999 của UBND tỉnh Nam Định, đặt tại thôn Đệ Nhất, xã Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Từ khi thành lập, trường vinh dự mang tên Trần Văn Lan – nhà hoạt động cách mạng ưu tú của Đảng, của nhân dân Nam Định. Trần Văn Lan sinh ra và lớn lên tại thôn Hữu Bị, xã Mỹ Trung, tỉnh Nam Định. Trong thời gian làm thợ điện tại nhà máy sợi Nam Định, ông được giác ngộ và tích cực tham gia hoạt động cách mạng. Quá trình hoạt động của ông gắn bó với quê hương Nam Định và mảnh đất Hải Phòng. Để tưởng nhớ công ơn người chiến sĩ cách mạng ưu tú của quê hương, UBND tỉnh Nam Định đã quyết định đề ngôi trường THPT xây dựng trên mảnh đất Mỹ Trung mang tên ông - Trường THPT Trần Văn Lan.

Trường THPT Trần Văn Lan nằm trên địa bàn xã Mỹ Trung, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định nay là phường Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình. Học sinh của nhà trường chủ yếu ở các xã, phường lân cận. Trường cách thành phố không xa nên cũng là điểm đến của những học sinh từ các trường THCS giáp ranh. Điều kiện địa lý trên tạo cho nhà trường những thuận lợi nhưng cũng có không ít những khó khăn. Nhân dân địa phương đa phần làm nghề nông theo kiểu truyền thống, điều kiện kinh tế còn nhiều hạn chế.

Trải qua 25 năm xây dựng và phát triển, trường liên tục được công nhận là Tập thể lao động tiên tiến. Năm học 2017-2018, trường được nhận Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định. Năm học 2018-2019, trường được công nhận là Trường tiên tiến Xuất sắc. Nhà trường và các tổ chức đoàn thể đã nhận được nhiều Bằng khen của UBND tỉnh Nam Định, Liên đoàn Lao động tỉnh, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Giấy khen của Giám đốc Sở.

Xuất phát từ thực tế: Số lượng học sinh tốt nghiệp THCS ở khu vực có nhu cầu học tiếp bậc THPT tăng cao. Trường THPT Trần Văn Lan với định hướng phát triển đến năm 2030 dự kiến số học sinh toàn trường là 1200 đến 1.300 học sinh, cần ít nhất 30 lớp học để đáp ứng đủ số phòng học. Tuy nhiên, số phòng học thực tế của trường hiện nay quá thiếu (chỉ có 22 phòng học).

Nhiều năm gần đây, trường không tổ chức Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 tại trường được mà thường xuyên phải mượn địa điểm thi ở nơi khác vì số lượng thí sinh đăng ký thi vào trường đông (khoảng gần 1.000 thí sinh, tương ứng khoảng hơn 33 phòng thi), trường không có đủ số phòng để tổ chức thi. Điều này gây khó khăn cho nhà trường, cho nhân dân.

Như vậy, để đảm diện tích lớp học theo quy định, đủ số phòng học để phục vụ cho hoạt động của Nhà trường, thì Nhà trường cần thiết phải đầu tư xây dựng mới 20 phòng học. Cải tạo dãy nhà học 2 tầng 12 phòng. Xây dựng nhà cầu nổi để thuận tiện cho việc học tập và giảng dạy. Ngoài ra, còn phải xây dựng những hạng mục phụ trợ còn chưa có như hệ thống PCCC, nâng cos sân trường để chống ngập ảnh hưởng đến hoạt động của Nhà trường và tuổi thọ của công trình, Làm mới các đoạn

tường rào bị nghiêng, nứt không đảm bảo an toàn, cải tạo các đoạn tường rào còn lại, xây dựng nhà để xe cho học sinh, giáo viên, xây dựng bể xử lý nước thải, bể nước PCCC và nhà đặt máy bơm...

Từ nhu cầu thực tế thiết thực nêu trên với cơ sở vật chất hiện tại của nhà trường việc đầu tư Xây dựng, cải tạo và nâng cấp trường THPT Trần Văn Lan là thật sự cần thiết và cấp bách nhằm đáp ứng đủ cơ sở vật chất, số phòng học cho học sinh trong những năm tới.

III. CÁC ĐIỀU KIỆN ĐỂ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ

1. Điều kiện về mặt bằng xây dựng.

Khu đất dự kiến xây dựng dự án hiện là đất của trường THPT Trần Văn Lan, đã có sổ đỏ và quyết định giao đất của UBND tỉnh Nam Định(nay là UBND tỉnh Ninh Bình) vì vậy khi thi công không cần giải phóng mặt bằng đây là điều kiện rất thuận lợi để thực hiện dự án.

2. Điều kiện giao thông.

Công trình nằm giáp mặt đường trục xã Mỹ Trung, hiện tại mặt đường bằng bê tông nhựa có chiều rộng 7,5m vì vậy khi triển khai xây dựng tương đối thuận tiện về giao thông, thuận tiện chuyên chở vật liệu. Tuy nhiên, công trình gần khu dân cư nên cần có giải pháp thi công thích hợp, tránh tập kết vật liệu tràn lan, mất an toàn giao thông.

3. Các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật.

a. Hiện trạng cấp nước.

Hiện trạng trong khuôn viên nhà trường đã được cấp nước sạch sinh hoạt từ đường ống cấp nước do Công ty cổ phần cấp nước Nam Định quản lý.

b. Hiện trạng thoát nước.

Hiện trạng hệ thống thoát nước trong khu vực chưa được đầu tư đồng bộ.

Nhà trường chưa có hệ thống bể xử lý nước thải.

Hệ thống thoát nước mưa bằng các rãnh B250 thoát ra mương nước phía trước cổng chính (qua đường nhựa bằng ống cống BTCT B500). Thoát ra kênh thủy lợi phía sau bằng rãnh thoát nước kín B250.

c. Hiện trạng cấp điện.

Khu vực hiện trạng đã được cấp điện sinh hoạt từ đường dây trung thế nằm trên đường trục xã do đội quản lý điện lực Nam Định quản lý.

Hiện tại công suất nguồn điện chưa đủ để cấp cho hạng mục xây dựng mới.

d. Hiện trạng cao độ nền sân.

Cao độ hiện trạng trong trường THPT Trần Văn Lan tương đối bằng phẳng tuy nhiên cao độ mặt sân thấp hơn mặt đường hiện trạng khoảng 30cm.

IV. SỰ PHÙ HỢP VỀ QUY HOẠCH

Xây dựng, cải tạo và nâng cấp Trường THPT Trần Văn Lan nằm trong khuôn viên đất hiện đang sử dụng của Trường đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 708278 là 11.000 m² và quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Nam Định cấp thêm 5.249,4m². Khu đất đang sử dụng có mục đích là đất giáo dục Phù hợp với Quy hoạch phân khu VI trên địa bàn thành phố Nam Định theo Quyết định số 2424/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh Nam Định.

CHƯƠNG V

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Việc đầu tư Xây dựng, cải tạo và nâng cấp Trường THPT Trần Văn Lan, để đảm bảo cơ sở hạ tầng phục vụ công việc giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh toàn trường. Từng bước đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất theo tiêu chuẩn của một cơ sở giáo dục Chất lượng cao của tỉnh, đồng thời nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh trong nhà trường góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ đã được giao, thúc đẩy, phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo nên những thế hệ tương lai của đất nước.

CHƯƠNG VI

VỊ TRÍ, ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH, ĐỊA CHẤT KHU VỰC XÂY DỰNG

1. Vị trí xây dựng.

Công trình được xây dựng trong khuôn viên Trường THPT Trần Văn Lan có diện tích 16.249,4 m² (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 708278 là 11.000 m² và theo quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Nam Định cấp thêm 5.249,4m²) thuộc phường Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình có vị trí tiếp giáp:

- Phía Bắc giáp Kênh tưới tiêu Thủy Lợi;
- Phía Nam giáp đường trục xã;
- Phía Đông giáp ruộng lúa, đình Đệ Nhị;
- Phía Tây giáp chùa Quỳnh Đô;

2. Đặc điểm về địa hình, địa chất:

2.1 Địa Hình:

Khu đất hiện trạng là khuôn viên trường THPT Trần Văn Lan bao gồm các công trình xây dựng nhà lớp học, nhà hiệu bộ, nhà đa năng ... các công trình khác và hệ thống sân đường bằng bê tông tương đối bằng phẳng. Cao độ hiện trạng của khu đất trung bình thấp hơn đường nhựa phía Nam (đường nối từ tỉnh lộ 487 với đường Ngô Thị Nhậm) khoảng 0,3m cụ thể;

Cao độ mặt đường nhựa trục xã +2.60m

Cao độ sân trung bình bên trong khu đất +2.30m

2.2. Địa chất.

Về đặc điểm địa chất công trình, nói chung, khu vực thuộc thềm đất bồi tương đối yếu, mức nước ngầm cao, không thực sự thuận lợi cho việc xây dựng công trình

cao tầng, đặc biệt là khu vực phía Tây của vùng nghiên cứu nằm trong vùng trầm tích đầm lầy gốc sông. Tuy nhiên, đây cũng không phải là những trở ngại không thể vượt qua. Cột địa tầng phân bố từ trên xuống dưới Theo tài liệu khảo sát địa chất do công ty TNHH công trình Nam Việt lập tháng 8 năm 2025: Khoan 02 hố mỗi hố sâu 40m cùng với thí nghiệm tại phòng thí nghiệm LAS. Cụ thể các lớp đất công trình như sau:

- + Lớp đất san lấp là cát, đất sét pha lẫn gạch vỡ : Kí hiệu 1
- + Lớp đất sét pha màu xám, xám nâu, nâu gụ. Trạng thái dẻo mềm: Kí hiệu 2
- + Lớp đất sét pha màu xám, xám nâu, xám gụ kẹp các mạch cát pha. Trạng thái dẻo chảy: Kí hiệu 3
- + Lớp đất cát pha màu xám, xám đen, xám gụ xen kẹp các mạch sét pha lẫn hữu cơ. Trạng thái dẻo: Kí hiệu 4
- + Lớp đất sét pha màu xám, xám nâu, xám gụ kẹp các mạch cát pha. Trạng thái dẻo chảy: Kí hiệu 5
- + Lớp đất sét pha màu xám, xám nâu, xám gụ xen kẹp các mạch cát pha. Trạng thái dẻo mềm: Kí hiệu 6
- + Lớp đất cát pha màu xám, xám đen, xám gụ xen kẹp các mạch sét pha. Trạng thái dẻo: Kí hiệu 7
- + Lớp cát hạt mịn màu xám, xám đen xen kẹp các mạch sét pha. Trạng thái chặt: Kí hiệu 8
- + Lớp đất sét pha màu xám, xám nâu, xám gụ xen kẹp các mạch cát pha. Trạng thái dẻo mềm: Kí hiệu 9
- + Lớp cát hạt mịn màu xám, xám đen xen kẹp sét pha. Trạng thái chặt vừa: Kí hiệu 10
- + Lớp đất sét pha màu xám, xám nâu, xám gụ xen kẹp các mạch cát pha. Trạng thái dẻo mềm: Kí hiệu 11

CHƯƠNG VII:

CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý:

Vị trí xây dựng dự án: Xây dựng, cải tạo và nâng cấp trường THPT Trần Văn Lan thành phố Nam Định nằm trên địa bàn phường Thiên Trường, thành phố Nam Định có vị trí địa lý như sau: Tọa độ 20°46'55.1"N 106°17'70.82"E.

2. Đặc điểm địa hình:

Phường Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình nằm ở vùng châu thổ sông Hồng có địa hình thấp và khá bằng phẳng, cao độ trung bình từ 0,5 đến 4,0m trên mực nước biển, khi xây dựng thường được tôn nền cao thêm khoảng 1,5 đến 2,2m. Cao độ mặt đường hiện trạng khu vực trung bình $H=+2,60m$. Các khu dân cư bên trong có cao độ trung bình + 2,3m.

3. Đặc điểm khí hậu:

Phường Thiên Trường nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa của đồng bằng Bắc bộ có:

3.1. Nhiệt độ:

Phường Thiên Trường có nhiệt độ trung bình trong các năm không có sự chênh lệch lớn, nhiệt độ trung bình hàng năm: $24,6^{\circ}C$. Nhiệt độ trung bình các tháng dao động từ $17,7^{\circ}C$ vào tháng 1 đến $30,5^{\circ}C$ vào tháng 6.

Nhiệt độ không khí là yếu tố tự nhiên quan trọng trong việc phát tán và chuyển hóa các chất ô nhiễm trong không khí cũng như có vai trò quan trọng trong quá trình phân hủy các chất hữu cơ. Nhiệt độ càng cao thì tốc độ phân hủy các chất ô nhiễm càng nhanh.

3.2. Độ ẩm không khí:

Độ ẩm tương đối bình quân theo năm là 84%. Độ ẩm không khí trong năm đạt cực đại vào tháng 9 và thấp nhất vào tháng 6, tháng 11 là 79,4%.

3.3. Gió:

Trong năm hình thành 2 hướng gió chính: (Hướng đông Nam và hướng Bắc). Tốc độ gió trung bình trong năm là 2,4m/s, tốc độ gió lớn nhất do gió bão là 48m/s.

3.4. Năng:

Phường Thiên Trường thuộc vùng có giá trị nhiệt lượng do ánh sáng mặt trời đem lại khá cao. Số giờ nắng và bức xạ mặt trời đạt cao nhất là giai đoạn đầu mùa khô. Tổng số giờ nắng trong năm 2015 cao hơn nhiều so với các năm còn lại, năm 2015 đạt 1.450 giờ.

3.5. Bức xạ mặt trời:

Bức xạ mặt trời là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến chế độ nhiệt trong vùng.

Tổng lượng bức xạ mặt trời hàng ngày trong năm là 100 đến 120 kcal/cm^2 . Các tháng có bức xạ cao nhất là vào mùa hè (cao nhất là tháng 6 và tháng 7) và thấp nhất là vào mùa đông.

3.6. Mưa:

Lượng mưa trung bình trong năm, trong những năm gần đây khoảng 1.829,8mm. Thông thường mùa mưa kéo dài từ 5 đến 6 tháng, trong khoảng từ tháng 5 đến tháng 10. Trong mùa mưa, lượng mưa trung bình chiếm tới 90% lượng mưa cả năm.

3.7. Bão:

Trung bình mỗi năm Phường Thiên Trường chịu ảnh hưởng của hơn 2,2 cơn bão, thường tập trung vào tháng 7 và tháng 9 hàng năm, sức gió đạt cấp (8-11), chủ yếu bị ảnh hưởng do bão ở khu vực ở biển Đông tác động tới.

4. Đặc điểm thủy văn:

Phường Thiên Trường nằm ở ngã ba sông Hồng, có chiều rộng (500-700)m và sông Đào (chiều rộng 300m). Đây là 2 con sông chính tác động đến chế độ thủy văn. Ngoài ra đặc biệt nằm trên địa phận Phường Thiên Trường có hai trạm bơm lớn là trạm bơm Kênh Gia và trạm bơm Quán Chuột. Hai trạm bơm này phục vụ cho việc chống lũ lụt cho khu trung tâm khi mùa mưa bão tới bơm nước trực tiếp bằng các trạm bơm ra sông Đào; ngoài ra còn thoát qua các cống thủy lợi và các trạm bơm thủy lợi quanh khu vực. Khu vực thực hiện dự án được tiêu thoát nước ra sông Đào qua cống Đồng Lự.

5. Đặc điểm về thực phủ:

Trong khu vực Phường Thiên Trường chủ yếu trồng các loại cây sau: Cây bóng mát chiều cao từ (8-15)m, Ngoài ra trồng các loại cây ăn quả như nhãn, vải, xoài cam, chanh, bưởi và cây lương thực chủ yếu là lúa, màu, rau xanh, hoa, cây cảnh...

CHƯƠNG VIII:

QUY MÔ ĐẦU TƯ VÀ GIẢI PHÁP THIẾT KẾ.

I. QUY MÔ ĐẦU TƯ.

Theo quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của UBND tỉnh Nam Định. Cụ thể như sau:

- Xây dựng mới nhà học 4 tầng 20 phòng, cải tạo nhà học 2 tầng 12 phòng và các hạng mục phụ trợ. Phá dỡ một số hạng mục công trình hiện trạng cụ thể.

a. Phần xây dựng

- + Xây dựng nhà lớp học 4 tầng 20 phòng học.
- + Cải tạo nhà lớp học 2 tầng 12 phòng.
- + Xây dựng nhà cầu nối nhà học 4 tầng xây mới và nhà học bộ môn 2 tầng.
- + Xây dựng bể cứu hỏa, nhà đặt máy bơm PCCC.
- + Xây dựng bể xử lý nước thải.
- + Làm mới Hệ thống PCCC theo tiêu chuẩn.

- + Xây mới nhà để xe học sinh 2 tầng.
- + Xây mới nhà để xe giáo viên 1 tầng.
- + Làm mới các đoạn tường rào bị nghiêng, nứt không đảm bảo an toàn, cải tạo các đoạn tường rào còn lại, cải tạo công đảm bảo yêu cầu PCCC
- + Cải tạo sân, rãnh thoát nước, bồn hoa, điện chiếu sáng ngoài nhà
- + Xây mới trạm biến áp.
- + Phá dỡ một số hạng mục công trình cũ.

b. Thiết bị:

- + Mua sắm thiết bị phục vụ hệ thống PCCC, máy bơm nước sinh hoạt, thiết bị trạm biếp áp và đường dây,....

II. GIẢI PHÁP THIẾT KẾ.

1. Xây dựng nhà lớp học 4 tầng 20 phòng học.

Giải pháp Kiến trúc:

- Xây dựng nhà lớp học 4 tầng, quy mô cấp III, mặt bằng nhà hình chữ nhật có kích thước theo 2 trục 57,6m x 10,2m có 2 khu sảnh trong đó sảnh phía trước làm sân khấu kích thước 10,8m x 6,6m và sảnh phía sau có kích thước 12,6m x 2,4m. Nhà có bố trí đường dốc cho người khuyết tật tiếp cận và sử dụng. Kết nối giao thông theo phương ngang là hành lang phía trước rộng 2,4m. Giao thông theo phương đứng là 02 cầu thang bộ được bố trí phù hợp với yêu cầu công năng và yêu cầu về lối thoát nạn trong phòng cháy chữa cháy. Các tầng có chiều cao 3,9m/tầng. Tổng diện tích sàn khoảng 2.784,5m² trong đó bố trí công năng các tầng như sau.

+ Tầng 1: Diện tích sàn xây dựng khoảng 781,6m² (bao gồm cả mái sảnh), chiều cao 3,9m; Bố trí 1 sảnh chính, 1 sảnh phụ 5 phòng học kích thước 8,4m x 7,8m diện tích 65,5m²/phòng; 02 Khu vệ sinh cho nam, nữ kích thước 3,6m x 7,8m diện tích 25,60m²/phòng; 02 cầu thang bộ kích thước 4,2m x 7,8m

+ Tầng 2+3: Diện tích sàn xây dựng mỗi tầng khoảng 624,7m², chiều cao 3,9m; Bố trí 5 phòng học kích thước 8,4m x 7,8m diện tích 65,5m²/phòng; 02 Khu vệ sinh cho nam, nữ kích thước 3,6m x 7,8m diện tích 25,60m²/phòng; 02 cầu thang bộ kích thước 4,2m x 7,8m

+ Tầng 4: Diện tích sàn xây dựng khoảng 753,5m² (Bao gồm cả diện tích sân nô mái), chiều cao 3,9m; Bố trí 5 phòng học kích thước 8,4m x 7,8m diện tích 65,5m²/phòng; 02 Khu vệ sinh cho nam, nữ kích thước 3,6m x 7,8m diện tích 25,60m²/phòng; 02 cầu thang bộ kích thước 4,2m x 7,8m

Giải pháp kết cấu

* Phần móng: Móng công trình được thiết kế dựa trên tài liệu khảo sát địa chất công trình do công ty TNHH công trình xây dựng Nam Việt lập: Sau khi tính toán với tải trọng của công trình thiết kế lựa chọn giải pháp xử lý nền

móng công trình bằng cọc bê tông ly tâm kích thước D350mm, tổng số lượng 125cọc, trong đó có 03 cọc thí nghiệm chiều dài cọc 30,0m; còn lại cọc đại trà chiều dài cọc 29,0m; Sức chịu tải của 1 cọc là $P_{tk}=60$ tấn, lực ép $P_{max} = 120$ tấn, $P_{min} = 90$ tấn. Đài móng và giằng móng bằng BTCT cấp độ bền B20 (mác 250) đá 1x2, cốt thép đường kính < 10 dùng nhóm thép CB240T; cốt thép đường kính ≥ 10 dùng nhóm thép CB400V; Lót móng bằng bê tông đá 4x6 mác 100.

* Phần thân: Sử dụng kết cấu khung gồm cột, dầm sàn BTCT cấp độ bền B20 (mác 250) đá 1x2. Cốt thép đường kính < 10 dùng nhóm thép CB240T; cốt thép đường kính ≥ 10 dùng nhóm thép CB400V. Tường nhà, tường móng, bậc tam cấp, bậc cầu thang và các chi tiết xây gạch không nung mác 75 với vữa XM mác 75.

Giải pháp hoàn thiện

- Tường trong nhà, ngoài nhà, cột, dầm, trần trát vữa XM mác 75#, lăn sơn 1 nước lót, 2 nước phủ, Trần các khu vệ sinh dùng trần tấm nhôm hệ clip-in tấm 600x600x0,7mm khung xương đồng bộ. Nền các phòng lát gạch porcelain 60x60cm; nền khu vệ sinh lát gạch Ceramic chống trơn 30x30cm, tường khu WC ốp gạch ceramic 30x60cm cao đến trần. Bậc cầu thang, tam cấp lát đá granit tự nhiên. Lan can inox. Hệ thống cửa đi và cửa sổ 1 lớp, dùng cửa nhôm hệ 55 kính an toàn 6.38mm. Sen hoa cửa làm bằng inox vuông 12,7x12,7x1,2 mm.

Nhà được thiết kế hệ thống chống mối, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống điện chờ điều hòa, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống chống sét đồng bộ đảm bảo tiêu chuẩn.

2. Cải tạo nhà lớp học 2 tầng 12 phòng:

2.1. Đánh giá hiện trạng.

- Hạng mục Nhà lớp học 2 tầng 12 phòng trường THPT Trần Văn Lan có Mặt bằng nhà hình chữ nhật kích thước 68,4m x 8,1m (kích thước theo tim), quy mô xây dựng 2 tầng; diện tích xây dựng 684.6m²; Tổng diện tích sàn 1416,0m² công năng 2 tầng giống nhau mỗi tầng gồm có: 06 phòng học kích thước 8,4 x 6,3m; diện tích 52,92m²/phòng học; 01 Phòng nghỉ giáo viên kích thước 4,2 x 6,3m; 01 khu vệ sinh kích thước 5,5 x 6,3m; 02 cầu thang kích thước 3,9 x 6,3m; hành lang trước rộng 1,8m. Nền nhà cao hơn nền sân là 45cm, mỗi tầng cao 3,9m mái lát gạch chống nóng. Do nhà được xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng trước năm 2002 đến nay công trình đã sử dụng được hơn 23 năm nên đã xuống cấp đánh giá hiện trạng cụ thể như sau:

- Nền nhà nhiều vị trí sụt lún, nhiều vị trí gạch lát nền bị nứt, trên sàn một số vị trí gạch lát nền bị bong rộp.

- Vữa trát granito tam cấp, cầu thang bị nứt vỡ, một số vị trí bị bong tróc, sứt mẻ. Tường chắn bậc bị nứt vỡ, lan can cầu thang bằng thép vuông kết hợp grnito không đủ chiều cao.

- Một số vị trí mái đã thấm dột, tường chắn sê nô bị nứt chân. Nhiều vị trí lớp vữa trát tường, dầm, trần bị bong vữa, nhiều mảng tường bong tróc lớp vôi áo rất mất mỹ quan.

- Hệ thống hành lang bằng thép kết hợp tay vịn BTCT nhiều bị trí bị nứt, chiều cao thấp không đảm bảo an toàn.

- Hệ thống cửa bị cong, vênh vỡ kính, sen hoa han rỉ

- Khu vệ sinh bị rò rỉ nước

- Hệ thống điện chập vá, nhiều thiết bị cũ, hỏng, nhiều vị trí đi nổi

- Toàn nhà chưa có hệ thống PCCC đảm bảo theo tiêu chuẩn.

2.2. Nội dung cải tạo.

- Cải tạo mặt tiền phía đông đảm bảo đồng bộ về mặt mỹ quan, kiến trúc với nhà 4 tầng xây mới (xây ốp cột, làm mới vòm chắn nắng, đắp phào chỉ trang trí).

- Phá dỡ nền bê tông gạch vỡ cũ, san gạt, rải ni lon lót nền sau đó đổ bê tông nền nhà đá 1x2 mác 150 dày 10cm. Lát nền gạch porcelain 600x600mm vữa lót xm mác 75, ốp chân tường các phòng học, hành lang gạch porcelain 120x600mm (ốp phẳng mặt trát tường).

- Bóc lớp gạch lát sàn tầng 2, Lát lại gạch porcelain 600x600mm vữa lót xm mác 75, ốp chân tường các phòng học, hành lang gạch porcelain 120x600mm (ốp phẳng mặt trát tường)

- Bóc toàn bộ lớp vữa trát, dầm, trần sau đó trát lại bằng vữa xm mác 75, dày 2cm, lăn sơn 1 nước lót 2 nước phủ màu trắng.

- Bóc toàn bộ lớp vữa trát tường trong và ngoài nhà, má cửa sau đó trát lại bằng vữa xm mác 75 dày 2cm, lăn sơn 1 nước lót 2 nước phủ màu vàng kem.

- Bóc toàn bộ lớp gạch ốp cột hiên, xây ốp cột gạch bê tông mác 75 với vữa xm mác 75, trát bằng vữa xm mác 75 dày 2cm, lăn sơn 1 nước lót 2 nước phủ màu vàng kem.

- Phá bỏ hệ thống lan can hành lang, lan can cầu thang sau đó làm lan can mới bằng inox (xem chi tiết lan can).

- Bóc toàn bộ lớp granitô ở bậc tam cấp, chiếu nghỉ cầu thang, bậc cầu thang sau đó ốp, lát lại bằng đá granit tự nhiên. Xây mới tường chắn bậc, ốp lát bằng đá granit tự nhiên

- Tháo dỡ hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính, thay mới cửa đi, cửa sổ, vách kính bằng cửa kính khung nhôm hệ 55.
- Tháo dỡ sen hoa cửa bằng sắt, thay mới bằng sen hoa inox 304.
- Làm mới hệ thống rèm cửa sổ trên trục C và D
- Tháo dỡ hệ thống điện chiếu sáng, điện điều hòa cũ, thay mới toàn bộ hệ thống điện chiếu sáng, thay mới hệ thống điện chờ điều hòa.
- Cải tạo lại khu vệ sinh bao gồm. phá dỡ tường ngăn cũ thay bằng vách ngăn compac dày 18mm, thay mới thiết bị, đường ống, bóc lớp lát nền, ốp tường cũ sau đó lát lại, ốp lại.
- Phá dỡ lớp gạch chống nóng, phá dỡ lớp vữa lán mái, sê nô mái. Xây tường thu hồi, lắp đặt xà gồ thép mạ kẽm, lợp tôn liên doanh dày 0.45mm chống nóng, chống thấm dột. Phần sê nô mái vệ sinh sạch sẽ, quét 3 lớp sơn chống thấm sau đó lán lại bằng vữa xm mác 100 dày 3cm đánh dốc về hướng thoát nước.
- Xây tường chắn sê nô mái bằng gạch bê tông M75 với VXM 75#, trát bằng vữa xm mác 75, dày 2cm, phía ngoài lăn sơn 1 nước lót 2 nước phủ, phía trong và trên quét 2 nước xi măng.
- Thay mới hệ thống chống sét, thay mới hệ thống thoát nước mái.
- Cắt dầm, sàn, phá dỡ hệ thống cột, dầm, sàn phía ngoài trục A đoạn từ trục 18-19 (đoạn cầu nối với nhà lớp học 2 tầng 10 phòng).

3. Xây mới Nhà cầu nối:

- Xây dựng Nhà cầu nối nhà lớp học 4 tầng với học bộ môn 2 tầng tổng diện tích sàn khoảng 58,0m²: Nhà cầu hình chữ nhật Kích thước 8,68m x 2,4m. Công năng chính là nhà cầu nối để lưu thông đi lại được thuận tiện giữa 2 khối nhà.

* Kiến trúc: Xây dựng Nhà cầu nối nhà lớp học 4 tầng với học bộ môn 2 tầng tổng diện tích sàn khoảng 58,0m²: Nhà cầu hình chữ nhật Kích thước 8,68m x 2,4m. Tầng 1 cao 4.5m tầng 2 cao 3,9m công năng chính là nhà cầu nối để lưu thông đi lại được thuận tiện giữa 2 khối nhà.

* Kết cấu: Nền móng công trình được gia cố bằng cọc tre dài 2,5m mật độ 25 cọc/m², sử dụng hệ móng băng BTCT cấp độ bền B20 (mác 250) đá 1x2, cốt thép đường kính ≤ 10 dùng nhóm thép CB240T; cốt thép đường kính > 10 dùng nhóm thép CB300V; Lót móng bằng bê tông đá 4x6 mác 100. Xây tường cổ móng gạch bê tông 2 lỗ mác 75 với VXM mác 75. Hệ thống cột, dầm, sàn bằng BTCT cấp độ bền B20 (mác 250) đá 1x2, cốt thép đường kính ≤ 10 dùng nhóm thép CB240T; cốt thép đường kính > 10 dùng nhóm thép CB300V, tường xây bằng gạch bê tông 2 lỗ mác 75 với VXM mác 75.

*Hoàn thiện: Tường nhà trát vữa XM mác 75#, lăn sơn 1 nước lót, 2 nước phủ. Cột, Dầm, Trần trát vữa XM mác 75#, lăn sơn màu trắng. Nền lát gạch terrazzo 400x400x3,2mm, sàn lát gạch porcelain 60x60cm. Lan can INOX 304.

4. Xây dựng bể cứu hỏa và nhà đặt máy bơm.

- Xây dựng bể cứu hỏa hình chữ nhật có kích thước 14,2x8,0 m chiều cao 2,4m (chưa tính lớp bê tông lót). Bể cứu hỏa được xây dựng bằng BTCT cấp độ bền B20 (mác 250) đá 1x2. Lót đáy bể bê tông đá 4x6 mác 100. Nền đáy bể được xử lý bằng cọc tre dài 2.5m mật độ 25 cọc/m². Đáy bể láng vữa XM; trát thành bể vữa XM có đánh màu. Chống thấm đáy bể bằng 3 lớp sơn trước khi trát, láng.

- Xây dựng mới nhà đặt máy bơm trên bể nước cứu hỏa, kích thước 3,5x5,85m. tường xây gạch BT 2 lỗ mác 75 với VXM mác 75, dầm, sàn đổ bằng BTCT cấp độ bền B15 (mác 200) đá 1x2, cửa đi, cửa sổ dùng cửa thép hộp pano tôn, cửa sổ có sen hoa Inox bảo vệ.

5. Xây dựng bể xử lý nước thải.

- Xây dựng bể xử lý nước thải hình chữ nhật có kích thước 14,4x4,0 m chiều cao 2,4m (chưa tính lớp bê tông lót). Bể được chia làm 3 ngăn gồm ngăn chứa, ngăn lọc, và ngăn khử trùng trong đó ngăn lọc có cấu tạo gồm các lớp đá 4x6, sỏi thạch anh, than hoạt tính, và lớp sỏi cuội. Bể xử lý nước thải được xây dựng bằng BTCT cấp độ bền B20 (mác 250) đá 1x2. Lót đáy bể bê tông đá 4x6 mác 100. Nền đáy bể được xử lý bằng cọc tre dài 2.5m mật độ 25 cọc/m². Đáy bể láng vữa XM; trát thành bể vữa XM có đánh màu. Chống thấm đáy bể bằng 3 lớp sơn trước khi trát, láng.

6. Xây mới nhà để xe máy giáo viên, Nhà để xe học sinh.

a. Nhà để xe giáo viên.

Xây mới nhà để xe máy nhân viên có kích thước là 25.6x5.0m. Móng nhà để xe dùng móng cột BTCT đá 1x2 mác 200, cột dùng cột thép D75,6 dày 2,9mm, xà gồ dùng thép hộp 30x60x1.8, mái lợp tôn liên doanh dày 0,45mm.

b. Nhà để xe học sinh:

- Xây mới nhà để xe học sinh 2 tầng kích thước 34,3m x 22,5m (Chưa tính đường dốc) tổng diện tích cả 2 tầng khoảng 1.581,8m². Móng nhà xe sử dụng hệ móng đơn kết hợp giằng móng bằng bê tông cốt thép gia cố nền móng bằng cọc tre dài 2,5m mật độ 25 cọc/m². Bê tông móng, giằng móng cấp độ bền B20 (Mác 250). Kết cấu chính của nhà dùng hệ khung cột, dầm bằng tổ hợp thép tấm dày 8-12mm dùng thép Q345 liên kết với nhau bằng bản mã và bulong. Sàn cốt +3.30 (tầng 2) sử dụng sàn liên hợp gồm tấm tôn hình dẹt nguội phía trên đổ bê tông, cốt thép liên kết với nhau chiều dày của sàn liên hợp là 15 cm, chiều dày của tôn sóng là 0,95 mm, để chống ăn mòn các tấm tôn được mạ kẽm trên 2 mặt. Tấm tôn sàn dùng loại

H50W1000, có $f_{yp} = 350 \text{ n/mm}^2$, $e = 21 \cdot 1000 \text{ n/mm}^2$. Phần sàn bê tông chịu nén dùng bê tông B30 (Mác400). Mái nhà xe lợp tôn liên doanh dày 0,45mm. Hai mặt tiếp giáp với chùa Xây tường gạch bê tông 2 lỗ mác 75 với VXM mác 75, các mặt còn lại sử dụng lan can inox 304. Cầu thang lên tầng 2 gồm 1 thang có bậc và 1 thang dốc cả 2 thang đều làm bằng tổ hợp thép. Tường nhà xe trát vữa XM mác 75#, lăn sơn 1 nước lót, 2 nước phủ. Cột, Dầm, giằng sơn 2 nước chống rỉ, 2 nước sơn màu ghi. Nền lát gạch terrazzo 400x400x3,2mm.

7. Cổng, Tường rào.

7.1 Tường rào xây mới

- Xây mới các đoạn tường rào bị nghiêng, nứt không đảm bảo an toàn (đoạn từ điểm 13-19 trên mặt bằng) tổng chiều dài khoảng 204,8m, chiều cao tường rào 2,1m phía trên có sen hoa thép vuông cao 55cm. Chân tường rào (cao 70cm) xây tường dày 22cm, Phía trên xây tường dày 11cm. Đầu tường rào có giằng BTCT mác 200 đá 1x2. Cứ 3.0m có trụ rào bằng BTCT mác 200 đá 1x2 kích thước 22x30cm, trụ rào cao 2,72m. Tường rào xây gạch bê tông 2 lỗ mác 75 VXM mác 75. Móng tường rào xây bằng đá hộc với vữa xi măng mác 100, giằng móng tường rào BTCT mác 200 đá 1x2. Gia cố nền móng bằng cọc tre dài 2,5m mật độ 25 cọc/m². Trát tường rào, trụ rào, giằng tường rào bằng vữa XN mác 75 dày 20mm. Tường rào được lăn sơn 1 nước lót 2 nước phủ.

7.2 Tường rào cải tạo

- Cải tạo các đoạn tường rào còn lại đảm bảo đồng bộ theo kiến trúc của tường rào xây mới. Tổng chiều dài các đoạn tường rào cải tạo khoảng 320,11m. Nội dung chủ yếu bao gồm. Phá lớp vữa trát cũ, xây ốp tạo trụ rào với khoảng cách 3,0m/trụ, xây coi tường rào, trụ rào bằng gạch bê tông 2 lỗ mác 75 VXM mác 75 đảm bảo chiều cao theo tường rào xây mới (2,1m). Làm mới giằng BTCT mác 200 đá 1x2 trên đầu tường rào, Làm mới sen hoa bằng thép vuông cao 55cm. Trát tường rào, trụ rào, giằng tường rào bằng vữa XN mác 75 dày 20mm. Tường rào được lăn sơn 1 nước lót 2 nước phủ.

7.3 Cải tạo cổng chính

Để đảm bảo chiều cao PCCC cần tháo dỡ bằng điện tử, phá dỡ biển tên sát trần cổng. Sau khi phá dỡ ốp lại đá granit 2 bên cột, trát lại trần phần biển vừa phá, lăn sơn trần cổng 1 nước lót 2 nước phủ màu trắng. Lắp lại bằng điện tử.

8. Sân đường, rãnh thoát nước, bồn hoa, điện ngoài nhà

8.1. Sân bê tông lát gạch

- Cải tạo toàn bộ sân nội bộ với nội dung làm phẳng mặt sân cũ bằng 01 lớp cát đen xây dựng đầm chặt K90 chiều dày tùy theo vị trí thực tế từ 5-10cm, Đổ bê tông

đá 1x2 mác 200 dày trung bình 10cm phía trên lát gạch Terrazo 40x40x3,2cm loại có hoa văn. Trước khi đổ bê tông lót 1 lớp nilon. Tổng diện tích sân làm mới khoảng 6.269,3 m².

8.2. Rãnh thoát nước

- Làm mới Rãnh thoát nước B250 thu gom nước mặt, nước mái tổng chiều dài 455,59m có đáy bằng BT mác 200 đá 1x2, thành rãnh xây gạch không nung mác 75 với vữa XM mác 75, Trát láng đáy + thành rãnh vữa XM mác 75. Tẩm đan đập rãnh thoát nước BTCT đá 1x2 mác 200.

- Cải tạo hệ thống rãnh thoát nước kín và rãnh thoát nước hở với tổng chiều dài 600,65m nội dung cải tạo bao gồm, tháo nắp tấm đan cũ, nạo vét rãnh thoát nước, xây coi thành rãnh bằng gạch bê tông 2 lỗ mác 75 VXM mác 75 để đồng bộ với cốt nền sân mới, Làm mới hệ thống tấm đan bằng BTCT mác 200 đá 1x2, lắp dựng lại tấm đan.

8.3. Bó vỉa, bồn hoa

- Làm mới hệ thống bó vỉa loại 1 ngăn giữa sân và các bồn cây lớn bằng cục bó vỉa bằng đá dùng cục bó vỉa có kích thước 18x26cm tổng chiều dài 496,77m. Lót móng bó vỉa bằng bê tông đá 4x6 mác 100 dày 100, lót 1 lớp vữa đệm mác 75 trước khi lát bó vỉa.

- Làm mới hệ thống bó vỉa loại 2 ngăn giữa sân và các bồn hoa nhỏ bằng cục bó vỉa bằng đá dùng cục bó vỉa có kích thước 20x25cm tổng chiều dài 243,83m. Lót móng bó vỉa bằng bê tông đá 4x6 mác 100 dày 100, lót 1 lớp vữa đệm mác 75 trước khi lát bó vỉa.

- Xây mới hệ thống bồn cây phía trước nhà hiệu bộ bằng gạch không nung mác 75, vữa XM M75. Tường dày 22cm có tổng chiều dài 318,22m. Lót móng tường bồn hoa đá 4x6 mác 100 dày 100. Tường phía ngoài, mặt trên, mặt trong sâu xuống 10cm lát đá granit tự nhiên. Sau khi xây dựng đổ đất màu và trồng cây theo bản vẽ.

8.4. Hệ thống ống thu gom, thoát nước thải.

Làm mới hệ thống ống thu gom nước thải bằng ống U.PVC đường kính D150mm tổng chiều dài 39,4m và ống U.PVC D200mm tổng chiều dài 267,0m. Toàn bộ hệ thống ống thu gom nước thải được kết nối với nhau thông qua các hố ga xây bằng gạch kích thước lòng 50x50x1,2m

Làm mới hệ thống ống thoát nước thải bằng ống U.PVC đường kính D200mm tổng chiều dài 48,5m. Toàn bộ hệ thống thoát nước thải được kết nối với nhau thông qua các hố ga xây bằng gạch kích thước lòng 50x50x1,2m

8.5. Điện ngoài nhà

Hệ thống điện ngoại tuyến được thiết kế 2 nhánh chiếu sáng cho toàn bộ khuôn viên trường học. Nhánh 1 bao gồm 20 bóng đèn cao áp lắp dựng trên tường của các nhà sử dụng bóng có công suất 200w. Nhánh 2 gồm 12 bộ đèn chiếu sáng sân vườn. Mỗi cột đèn có 4 bóng đèn D400mm công suất 4x15w. Hệ thống dây điện đi chìm bọc trong ống nhựa PVC chôn ngầm dưới nền sân và đi nổi dọc theo mái các nhà kết nối từ bóng đèn về tủ điều khiển chiếu sáng đặt tại nhà bảo vệ. Sử dụng tủ điện 1000x600x350 tự động điều khiển chiếu sáng và đóng ngắt xen kẽ theo giờ.

9. Xây mới trạm biếp áp; Xây dựng Trạm biến có công suất 320KVA đảm bảo tiêu chuẩn hiện hành. Vị trí đấu nối điện từ hệ thống cấp điện khu vực vào trạm biến áp xây mới tại cột số 37, Lộ 472E3.14 tuân thủ theo Biên bản thỏa thuận và hiệp y điểm đấu giữa đội quản lý Điện lực Nam Định và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Nam Định về việc cấp điện cho dự án.

10. Phá dỡ công trình cũ: Bao gồm nhà học 2 tầng 10 phòng, tường rào bị nghiêng, nứt, nhà xe.

11. Mua sắm thiết bị

+ Thiết bị phục vụ hệ thống PCCC, máy bơm nước sinh hoạt, thiết bị trạm biếp áp và đường dây,....

CHƯƠNG IX:

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Tác động đến môi trường của Dự án:

Môi trường là một trong những vấn đề hết sức quan trọng và nan giải không những ở nước ta mà cả thế giới quan tâm và được đặt lên thành chương trình Quốc gia về vấn đề môi trường.

Khi xây dựng các công trình xây dựng đều ảnh hưởng đến môi trường thiên nhiên, đó là vấn đề: Giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng công trình, sau đó là cả một thời kỳ khai thác sử dụng công trình. Đó là lượng bụi, tiếng ồn, cây xanh, chiếu sáng, rác thải,... đều ảnh hưởng đến môi trường.

2. Các tiêu chuẩn và chỉ tiêu:

Dự án được triển khai thực hiện trên địa bàn có khu dân cư Do đó yêu cầu thi công phải có biện pháp che chắn đảm bảo an toàn về vệ sinh, môi trường và việc đi lại của nhân dân trong khu vực.

Trong quá trình thực hiện Dự án, các luật, quy định, tiêu chuẩn của Nhà nước Việt Nam về môi trường sẽ được tuân thủ nghiêm ngặt. Cụ thể như sau:

- QCVN 05:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- QCVN 06:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

- QCVN 08:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

- QCVN 09:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất;

- Tiêu chuẩn TCVN 6705:2009 Chất thải rắn không nguy hại- Phân loại;

3. Các ảnh hưởng của dự án đến môi trường:

Quá trình thực hiện dự án sẽ gây ra những tích cực và tiêu cực đối với môi trường:

TT	Đối tượng chịu tác động	Tác động tích cực		Tác động tiêu cực	
		Dài hạn	Ngắn hạn	Dài hạn	Ngắn hạn
1	Không khí	x			x
2	Nguồn nước mặt	x			x
3	Nguồn nước ngầm	x			x
4	Con người – Xã hội	x			x
5	Mỹ quan phong cảnh	x			x

3.1. Tác động tiêu cực đến môi trường:

Trong quá trình thi công công trình sẽ có hoạt động như là:

- Đào đường, đào đất, san nền.
- Quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Hoạt động của các máy móc như: Máy xúc, máy trộn bê tông, máy khoan, máy cắt.

- Quá trình xây dựng và lắp đặt thiết bị.

- Lưu lượng xe cộ gia tăng.

- Tất cả các loại hoạt động này đều ảnh hưởng một cách tiêu cực đến môi trường tự nhiên (làm ô nhiễm môi trường khí, nước mặt, nước ngầm và đất) và con người.

3.2. Biện pháp phòng tránh và giảm thiểu ô nhiễm trong quá trình thi công:

Giáp vị trí xây dựng có các trục đường giao thông chính, các hộ dân lân cận. Vì vậy quá trình thi công công trình phải có những biện pháp phòng tránh và giảm thiểu các ô nhiễm để hạn chế một cách tối đa những tác động tiêu cực đối với môi trường tự nhiên và con người như:

- Quá trình chuyên chở nguyên vật liệu cần che bạt tránh rơi vãi. Khi vận chuyển nguyên vật liệu vào địa phận nên thực hiện bằng các phương tiện thô sơ có che phủ bạt tránh bụi và ô nhiễm tiếng ồn.

- Cần phải che bạt xung quanh công trình: Tránh tiếng ồn, tránh bụi bẩn.

- Nhằm giảm thiểu tiếng ồn cần lắp thêm máy giảm âm và hạn chế vận chuyển, thi công vào ban đêm.

- Quá trình thi công nên tiến hành vào những tháng ít mưa hạn chế ô nhiễm nguồn nước.

- Khi thi công sẽ xuất hiện khu nhà tạm cho công nhân xây dựng, đối với khu nhà này và các hoạt động sinh hoạt hàng ngày: Nước thải sinh hoạt, khói thải từ công việc bếp núc cần phải có biện pháp quản lý chặt chẽ.

- Khi tiến hành xây dựng mới hệ thống đường ống thoát nước thải, mà vẫn đảm bảo được thoát nước đều đặn, nước thải không bị tràn ra bề mặt thì cần thiết:

+ Tiến hành làm từng đoạn.

+ Làm đường thoát nước tạm có thể đào mương thoát nước tạm hoặc đặt cống thoát nước tạm đến hố ga gần nhất.

- Có biện pháp dọn vệ sinh mỗi ngày làm việc: Quét dọn vệ sinh tại nơi làm việc, chuyên chở ngay những đồng đất cát, chất thải tháo dỡ ra khỏi khu vực thực hiện dự án.

3.3. Tác động tiêu cực:

Trong quá trình thực hiện dự án không thể tránh khỏi những tác động tiêu cực đối với môi trường và con người như đã nêu trên song tất cả những ảnh hưởng này mang tính chất ngắn hạn, không lâu dài. Các tích cực mà chúng đem lại cho con người, cho môi trường lại mang tính chất dài hạn và đem lại rất nhiều lợi ích cho con người về cả vật chất lẫn tinh thần. Tất cả những tác động sẽ được chấm dứt ngay khi thi công hoàn thiện.

***Về vật chất:**

- Mang lại môi trường xanh, sạch đẹp, cảnh quan đẹp.
- Không làm đọng và lưu trữ nước trong công, không làm ngấm nước thải xuống đất và nguồn nước ngầm → không ô nhiễm đất, ô nhiễm nguồn nước ngầm.
- Đảm bảo được việc thoát nước ra môi trường tốt → không làm ô nhiễm nguồn nước mặt, nước ngầm.
- Tránh những rủi ro, bệnh tật gây ra bởi nguồn nước thải ô nhiễm.
- Đảm bảo môi trường sống trong lành cũng như khu vực lân cận.
- Do các quá trình xử lý nước thải được thực hiện trên nguyên tắc modul, hợp khối, tự động. Việc xây dựng trạm hoặc được xây ngầm dưới đất (Bể hợp khối ngầm), lắp đặt các thiết bị hợp khối → Kết cấu công trình đẹp, gọn gàng, dáng dấp công trình hiện đại phù hợp với cảnh quan.

***Về tinh thần:**

Tạo môi trường sống trong lành → tinh thần thoải mái, nâng cao chất lượng cuộc sống của con người, gián tiếp nâng cao phát triển kinh tế xã hội.

4. Quản lý môi trường:

4.1. Chủ đầu tư có trách nhiệm chính trong việc:

Quản lý các vấn đề môi trường của dự án, đảm bảo trong các hồ sơ thầu của các nhà thầu thi công xây lắp có chương trình và kế hoạch quản lý môi trường phù hợp.

Phối hợp với các tư vấn giám sát môi trường để thiết kế và thực hiện chương trình giám sát môi trường, sẵn sàng điều chỉnh cho phù hợp với thực tế của dự án.

Giám sát việc thực hiện những vấn đề giám sát môi trường và biện pháp giảm thiểu đã nêu trong hợp đồng của các tư vấn.

Ngoài ra, chủ đầu tư phải phối hợp với hoạt động với chính quyền địa phương và các tổ chức cộng đồng để khuyến khích họ tham gia trong quá trình lập kế hoạch, quản lý, vận hành và quan trắc dự án.

4.2. Tư vấn giám sát thi công:

Tư vấn giám sát thi công sẽ giúp chủ đầu tư theo dõi kế hoạch quản lý môi trường của nhà thầu và một số công việc như sau:

Giám sát việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường của nhà thầu, kịp thời đề xuất và triển khai các biện pháp can thiệp bổ sung để hoàn thiện các biện pháp giảm thiểu nhằm đáp ứng các yêu cầu bảo vệ an toàn dự án về quản lý môi trường;

Thiết lập quy trình tiêu chuẩn, phương pháp và mẫu biểu để hỗ trợ cho chủ đầu tư đánh giá tiến độ của nhà thầu trong việc thực hiện những biện pháp giám sát và giảm thiểu tác động môi trường cần thiết.

4.3. Nhà thầu xây lắp:

Quản lý môi trường là một phần của công việc quản lý chất lượng hiện trường. Trong kế hoạch về quản lý môi trường, nhà thầu sẽ đề xuất những biện pháp nhằm giảm thiểu tác động của dự án tới môi trường trong suốt quá trình thi công và sẽ đệ trình những kế hoạch này cho tư vấn xem xét.

Kế hoạch quản lý môi trường sẽ được đệ trình, tuy nhiên kế hoạch này sẽ được xem xét lại nếu như có sự thay đổi về mặt pháp lý hoặc điều chỉnh cho thích hợp với từng trường hợp cụ thể tại hiện trường.

5. Kiến nghị các biện pháp khắc phục, hạn chế ô nhiễm môi trường:

- Bụi trong giai đoạn xây dựng: Sẽ phát sinh nhiều bụi đá, đất. Kiến nghị nên

đẩy nhanh tiến độ xây dựng, trong quá trình xây dựng phải có các biện pháp giảm bụi: Xe chở vật liệu đất, cát, đá phải có bạt che phủ, phải dọn sạch công trường trả lại môi trường ban đầu sau khi thi công.

- Thu gom vận chuyển ngay các chất thải công trường, đất đá thừa khi đào hố móng đổ về những nơi chính quyền địa phương cho phép có thể tận dụng để san lấp các khu đất trống.

- Duy trì, bảo dưỡng các loại động cơ nổ để giảm bớt khói bụi sinh ra khi vận hành.

- Tiến hành chia ca, bố trí công trường làm việc ban ngày, hạn chế làm việc ban đêm giảm tiếng ồn theo thời đoạn.

- Hạn chế tới mức tối đa bằng cách lắp đặt và bảo dưỡng các thiết bị chống rò rỉ dầu.

- Thu dọn rác thải hàng ngày và giáo dục ý thức bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG X

NGUỒN VỐN, TỔNG MỨC ĐẦU TƯ, TIẾN ĐỘ DỰ ÁN

1. Nguồn vốn đầu tư:

Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác

2. Tổng mức đầu tư:

- Tổng mức đầu tư được lập dựa trên Hồ sơ thiết kế cơ sở của công trình (Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng). Bao gồm: Chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí khác và chi phí dự phòng. Các chi phí của tổng mức đầu tư được quy định cụ thể như sau:

+ Chi phí xây dựng, thiết bị công trình

- Tính trên cơ sở khối lượng tính toán theo thiết kế sơ bộ lập tháng 08 năm 2025. Áp dụng: Khoản b mục 2 Điều 5 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ; Tổng mức đầu tư được xác định từ dữ liệu các công trình tương tự trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Với hạng mục Xây dựng Nhà học 4 tầng: Tham khảo công trình xây dựng nhà 4 tầng 33 phòng học và các phòng chức năng, xây dựng một số HM phụ trợ trường THPT Trần Hưng Đạo theo theo kết quả thẩm định số 67/SXD-QLXD ngày 24/7/2023 của SXD Nam Định. Suất đầu tư $28.561.659.000/4.242m^2 = 6.733.000$

đồng/m²) nhân chỉ số giá xây dựng Quý I năm 2025 với công trình giáo dục 108,38%

Với hạng mục Xây mới nhà để xe học sinh 2 tầng: Tham khảo Suất vốn đầu tư công trình xây dựng nhà xe 2 tầng trường THPT Nguyễn Khuyến theo văn bản số 42/SXD-QLXD ngày 07/6/2022 suất đầu tư 2.157.894.000/580m² =3.720.000 đồng/m²) nhân chỉ số giá xây dựng Quý I năm 2025 với công trình giáo dục 106,82%

Với các hạng mục còn lại như cải tạo nhà lớp học 2 tầng 12 phòng, nhà cầu nối, nhà để xe giáo viên, hệ thống PCCC, bể cứu hỏa và nhà đặt máy bơm, bể xử lý nước thải, và các hạng mục phụ trợ khác tính dự toán sơ bộ dựa trên hồ sơ thiết kế bản vẽ cơ sở.

- Đơn giá vật liệu lấy theo giá công bố tháng mới nhất của Sở xây dựng tỉnh Ninh Bình và giá trên thị trường tại thời điểm.

+ Chi phí thiết bị tính dự toán sơ bộ dựa trên hồ sơ thiết kế cơ sở và tham khảo giá thiết bị trên thị trường tại thời điểm hiện tại;

- Các chế độ chính sách hiện hành.

+ Chi phí quản lý dự án;

+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: Được tính theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng và thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021;

+ Chi phí khác bao gồm: Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán, chi phí thẩm định và các chi phí cần thiết khác được lập theo thông tư Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của chính phủ; Thông tư số 27/2023/TT-BTC và số 28/2023/TT-BTC ngày 15/3/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư, phí thẩm định thiết kế cơ sở, phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở. Chi phí bảo hiểm công trình lập theo nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của chính phủ.

+ Chi phí dự phòng của công trình tạm tính.

Tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư	58.000.000.000	đồng
Chi phí xây lắp:	44.562.213.000	đồng
Chi phí thiết bị:	1.354.198.000	đồng
Chi phí QLDA:	1.125.370.000	đồng
Chi phí tư vấn:	3.773.770.000	đồng
Chi phí khác:	1.278.991.000	đồng
Chi phí dự phòng:	5.905.458.000	đồng

(Chi tiết theo Bảng tổng hợp Tổng mức đầu tư kèm theo)

3. Tiến độ triển khai thực hiện đầu tư: Năm 2025 - 2028.

+ Giai đoạn chuẩn bị đầu tư: từ Quý 1 năm 2025 đến Quý IV năm 2025: Lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công – dự toán, thẩm định, trình xin phê duyệt thiết kế kỹ thuật tổng dự toán.

+ Giai đoạn thực hiện đầu tư: Khởi công 2026 và hoàn thành dự án trong năm 2027
Quyết toán dự án: Thực hiện quyết toán dự án trong năm 2028.

CHƯƠNG XI:

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Nam Định.

Thời gian thực hiện dự án: Năm 2025-2028.

Tổ chức thiết kế, thi công: Theo các quy định hiện hành.

CHƯƠNG XII

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Việc đầu tư Xây dựng, cải tạo và nâng cấp Trường THPT Trần Văn Lan, để đảm diện tích lớp học theo quy định, đủ số phòng học để phục vụ cho hoạt động của Nhà trường hiện nay là hết sức cần thiết, phù hợp với chủ trương đầu tư nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia về trường THPT, phục vụ nhu cầu dạy và học của giáo viên, học sinh toàn trường.

2. Kiến nghị:

- Ban QLDA đầu tư xây dựng Nam Định là đơn vị đại diện cho cơ quan Chủ đầu tư tổ chức thực hiện từ giai đoạn lập Báo cáo đề xuất Chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu khả thi, Thiết kế bản vẽ thi công, lựa chọn nhà thầu, khởi công xây dựng, đến nghiệm thu công trình và đưa vào sử dụng và lập hồ sơ thanh quyết toán theo đúng quy định về quản lý đầu tư xây dựng hiện hành.

- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Nam Định Kính trình Sở xây dựng, cùng các Sở, Ban, Ngành liên quan xem xét, thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi để dự án sớm được triển khai các bước tiếp theo./.